**KIỂM TRA HỌC KÌ 1**

**MÔN SINH HỌC 9 (NĂM HỌC 2021-2022)**

**Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**

A/ Trắc nghiệm: (10 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1:  **Người ta sử dụng phép lai phân tích nhằm:**

A. Để phân biệt thể đồng hợp với thể dị hợp

B. Để nâng cao hiệu quả lai

C. Để tìm ra các cá thể đồng hợp trội

D. Để tìm ra các cá thể đồng hợp lặn

Câu 2:  **Ở chó, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài.**

P: Lông ngắn thuần chủng x Lông dài, kết quả ở F1 như thế nào trong các trường hợp sau đây?

A. 1 lông ngắn : 1 lông dài

B. Toàn lông dài

C. Toàn lông ngắn

D. 3 lông ngắn: 1 lông dài

Câu 3: **Sự tự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào của chu kì tế bào?**

A. Kì sau

B.Kì đầu

C. Kì giữa

D. Kì trung gian

Câu 4:  **Ruồi giấm có 2n =8. Một tế bào của ruồi giấm đang ở kì sau của giảm phân II. Tế bào đó có bao nhiêu NST đơn trong các trường hợp sau:**

A. 8

B. 16

C. 2

D. 4

Câu 5:  **Loại ARN nào có chức năng vận chuyển axítamin:**

A. m ARN

B. t ARN

C. rARN

D. Nuclêô

Câu 6:  **Khi cho cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thì thu được:**

A. Toàn quả đỏ

B. Toàn quả vàng

C. Tỉ lệ 1 quả đỏ: 1 quả vàng

D. Tỉ lệ 3 quả đỏ : 1 quả vàng

Câu 7:  **Quá trình nguyên phân xảy ra ở tế bào nào của cơ thể :**

A. Tế bào sinh sản

B. Tế bào sinh dưỡng

C. Tế bào trứng

D. Tế bào tinh trùng

Câu 8:  **Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền.**

A. ARN thông tin

B. ARN vận chuyển.

C. ARN Ribôxôm

D. Riboxom

Câu 9:  **Ở cà chua, tính trạng quả đỏ (A) trội hoàn toàn so với quả vàng (a). Khi lai phân tích thu được toàn quả đỏ . Cơ thể mang kiểu hình trội sẽ có kiểu gen:**

A. AA (quả đỏ )

B. Aa (quả đỏ )

C. aa ( quả vàng )

D. Cả AA và Aa

Câu 10: **Mỗi chu kì xoắn của ADN cao 34** Ao **gồm 10 cặp nuclêôtit. Vậy chiều dài của mỗi cap nuclêôtit tương ứng sẽ là**

A. 1,7Ao

B. 340 Ao

C. 17 Ao.

D. 3,4 Ao

Câu 11: **Một gen có số lượng Nucleotit là 6800. Số chu kỳ xoắn của gen theo mô hình Watson-Cric là**

A. 3400

B. 340

C. 34

D. 3.4

Câu 12: Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2 là

A. 2 trội : 1 lặn.

B. 1 trội : 1 lặn

C. 3 trội : 1 lặn.

D. 4 trội : 1 lặn.

Câu 13: Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc của ADN dẫn đến kết quả là

A. A = G ; T = X

B. A/T = G/X

C. A + G = T + X

D. A = X ; G = T

Câu 14: **Một đoạn mạch ARN có cấu trúc như sau:**

– X – U – U – X – G – A – G – X –

Đoạn mạch nào dưới đây là mạch khuôn của đoạn gen đã tổng hợp ARN nói trên?

A. – X – A – X – A – G – X – T – G

B. – G – A – A – G – X – T – X – G –

C. – G – A – A – G – X – U – X – G –

D. – X – T – T – X – G – A – G – X –

Câu 15: Sự biểu hiện kiểu hình của đột biến gen trong đời cá thể như thế nào ?

A. Đột biến gen trội biểu hiện khi ở thể đồng hợp và dị hợp.

B. đột biến gen lặn không biểu hiện được.

C. Đột biến gen trội chỉ biểu hiện khi ở thể đồng hợp.

D. Đột biến gen lặn chỉ biểu hiện ở thể dị hợp.

Câu 16: Những loại đột biến gen nào xảy ra làm thay đổi thành phần các nuclêôtit nhiều nhất trong các bộ ba mã hoá của gen ?

A. Thay thế 1 cặp nuclêôtit ở vị trí số 1 và số 3 trong bộ ba mã hoá.

B. Mất 1 cặp nuclêôtit, thay thế 1 cặp nuclêôtit.

C. Thêm 1 cặp nuclêôtit, thay thế 1 cặp nuclêôtit.

D. Thêm 1 cặp nuclêôtit, mất 1 cặp nuclêôtit.

Câu 17: Tại sao ở những loài giao phối (động vật có vú và người) tỉ lệ đực/cái xấp xỉ 1:1?

A. Vì hai loại giao tử mang NST X và NST Y có số lượng tương đương.

B. Vì số con cái và con đực trong loài bằng nhau

C. vì số giao tử đực bằng số giao tử cái.

D. Câu B và C đúng.

Câu 18: Gen B có 2400 nucleotit. Chiều dài của gen B là

A. 2040 Å.                           B. 3060 Å.

C.  4080 Å.                          D. 5100 Å.

Câu 19: Tỉ lệ xấp xỉ 3 trội : 1 lặn xuất hiện trong các phép lai nào ?

A. Aa × Aa                                                                         B. Aa × AA

C. AA × aa                                                                         D. Aa × aa

Câu 20:**Một phân tử ADN có 10 chu kì xoắn, thì tổng số nuclêôtit của phân tử là**

A. 200.

B. 100.

C. 50.

D. 20

Câu 21: cặp tính trạng tương phản là:

A. Hai tính trạng khác nhau

B. Hai trạng thái khác nhau ở hai cá thổ có giới tính khác nhau.

C. Hai trạng thái khác nhau thuộc cùng một loại tính trạng có biểu hiện trái ngược nhau.

D.  Hai trạng thái khác nhau có biểu hiện trái ngược ở hai cá thể khác nhau.

Câu 22: Nếu đời p là BB ×  bb thì ở F2 sẽ có tỉ lệ các kiểu gen:

A. 3BB: 1 bb

B. 1BB : 1 bb

C. 1BB : 2 Bb : lbb

D. 2Bb : 1 bb

Câu 23: Ở mỗi loài sinh vật, trong tế bào có một bộ NST đặc trưng về:

A. Số lượng                                                  B. Số lượngvà hình dạng xác định.

C. Thành phần hoá học.                                  D.  Hình dạng.

Câu 24: Gen B dài 5100 Å. Số nucleotit của gen B là

A. 1200.                               B. 1800.

C. 2400.                               D.  3000.

Câu 25: **Đặc điểm nào của cây Đậu Hà Lan tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu các quy luật di truyền của Men đen?**

A. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn nghiêm ngặt.

B. Sinh sản và phát triển mạnh.

C. Tốc độ sinh trưởng nhanh.

D. Có hoa đơn tính.

 -----------HẾT----------

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1**

**Năm học: 2021-2022**

**Môn: Sinh Học 9**

B. Đáp án các câu trắc nghiệm: Mỗi câu đúng được 0.4 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. C | 3. D | 4. A | 5. B | 6. A | 7. B | 8. A | 9. A | 10. D |
| 11. B | 12. C | 13. C | 14. B | 15. A | 16. D | 17.A | 18. C | 19. A | 20. A |
| 21. C | 22. C | 23. B | 24. D | 25. A |  |  |  |  |  |

MA TRÂN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1

Năm học: 2021-2022

Môn: Sinh Học 9

Thời gian: 45 phút

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| Chương 1: Các thí nghiệm Men đen11 câu | - Cặp tính trạng tương phản (21)- Đối tượng nghiên cứu của Menđen (24)- Đặc điểm ở đậu Hà Lan (25)- Quy luật đồng tính (2,6) | - Mục đích lai phân tích (1)- Thuần chủng là gì (18)- Kết quả phép lai phân tích (9) | - Xác định kiểu hình kiểu gen của P, F2 (12,19,22) |  |
| 5 câu: 2 điểm | 3 câu: 1,2 điểm | 3 câu: 1,2 điểm |  |
| Chương 2: Nhiễm sắc thể6 câu | - NST đặc trưng của loài (23)- Nguyên phân xảy ra ở loại tế bào nào (7)- Chu kì tế bào (4)-Nhân đôi NST(3) | - Chu kì xoắn (11)- Tỉ lệ nam : nữ xấp xỉ là 1:1 (17) |  |  |
| 4 câu: 1.6 điểm  | 2 câu: 0,8 điểm |  |  |
| Chương 3: AND và gen6 câu | - Chức năng mARN, tARN (5,8)- Chiều dài Nucleotit (10) | - Số lượng Nu (13)- Số lượng chu kì xoắn (20) |  | - Quan hệ giữa gen với ARN (14) |
| 3 câu: 1.2 điểm | 2 câu: 0.8 điểm |  | 1 câu:0.4 điểm |
| Chương 4:Biến dị2 câu |  |  | - Các dạng đột biến gen (16) | - Đột biến gen (15) |
|  |  | 1 câu: 0.4 điểm | 1 câu: 0.4 điểm |
| 25 câu  | 12 câu: 4.8 điểm | 7 câu: 2.8 điểm | 4 câu: 1.6 điểm | 2 câu: 0.8 điểm |